

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 14/5/2020  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh A**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Diệu T**  
Ông **Nguyễn Văn K**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Ngọc T** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Huyền T** - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 12/3/2020, Quyết định hoãn định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020, Quyết định hoãn định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Phạm Hồng T**; sinh năm:1984; ĐKKH: Thị trấn V, huyện B, thành phố H; hiện ở tại: Số R đường S, phường T, thành phố E, tỉnh F.  
(Có mặt).

**\* Bị đơn:** Anh **Nguyễn Anh L**; sinh năm: 1980; ĐKKH và nơi ở: Số A phố B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.  
(vắng mặt) .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 12/12/2019; đơn đề nghị ngày 20/12/2019; Biên bản không tiến hành hòa giải được việc giao nộp, tiếp cận công khai**

**chứng cứ và hòa giải ngày 07/02/2020 và ngày 02/3/2020; nguyên đơn – chị Phạm Hồng T trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Anh L tìm hiểu và quen biết nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình và tổ chức lễ cưới. Anh chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội ngày 01/1/2010. Sau thời gian chung sống vợ chồng có quá nhiều điểm không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống, về quan hệ bạn bè và cách đối nhân xử thế. Bản thân chị và anh L đều đã cố gắng điều chỉnh mọi thói quen sinh hoạt, cách nghĩ cho phù hợp nhưng vẫn phát sinh các bất đồng không thể giải quyết được, thường xuyên xảy ra cãi nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Trước khi chị đưa đơn ra Tòa án xin ly hôn anh L, thì chị có nói chuyện ly hôn với anh L về việc vợ chồng thuận tình ly hôn nhưng anh L không đồng ý mặc dù hiện tại anh L đang chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng với người phụ nữ đó. Việc anh L không đồng ý ly hôn là do anh L muốn gây khó khăn cho chị chứ không phải anh L muốn đoàn tụ.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

1. Nguyễn Đức M; sinh ngày 04/12/2009
2. Nguyễn Hải P; sinh ngày 03/3/2012

Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản): Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T khai anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

*\* Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Tại bản trình bày ý kiến ngày 20/02/2020 bà Phạm Thị S; sinh năm: 1963 là mẹ đẻ của chị T cho Tòa án biết: Kể từ khi chị T và anh L lấy nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không hợp về tính cách, anh L không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Bản thân chị T đã chịu đựng chung

sống với anh L trong khoảng thời gian dài nhưng cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc và ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị T được ly hôn anh L để chị T sớm ổn định cuộc sống.

- Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Phạm Hồng T và anh Nguyễn Anh L tại tổ dân phố số 34 phường Đ, quận H, Hà Nội ngày 11/3/2020, bà Nguyễn Thị Bích N – Tổ trưởng tổ dân phố xác nhận chị Phạm Hồng T và anh Nguyễn Anh L chuyển về địa chỉ số A phố B, phường Đ, quận H, Hà Nội sinh sống từ năm 2014. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị có xảy ra cãi nhau nhưng chưa đến mức độ tổ dân phố phải hòa giải. Đầu năm 2018 thì tổ dân phố được chị T cho biết anh L đã có con riêng với người phụ nữ khác, gần đây anh L đã dọn đi ở cùng người phụ nữ đó đến địa chỉ nào thì tổ dân phố không nắm được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh L.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

1. Nguyễn Đức M; sinh ngày 04/12/2009

2. Nguyễn Hải P; sinh ngày 03/3/2012

Chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Anh L vắng mặt tại phiên tòa.**

\* Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Hồng T và anh Nguyễn Anh L

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức M; sinh ngày 04/12/2009 và Nguyễn Hải P; sinh ngày 03/3/2012, giao chị T chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 con chung và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản): Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T khai anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Hồng T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Anh L. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Anh L cư trú tại số A phố B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận H, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Hồng T có mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Anh L vắng mặt. Đối với anh L; Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song anh L vẫn vắng mặt không lý do. Việc anh L không đến Tòa án để giải quyết, đã thay đổi nơi cư trú mà không báo cho chị T biết điều đó chứng tỏ anh đã cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị Phạm Hồng T và anh Nguyễn Anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 01/1/2/2010 là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T và anh L hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ đầu năm 2017 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong thời gian ly thân, mỗi người sống một nơi, không liên lạc với nhau nên không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị T cương quyết xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

1. Nguyễn Đức M; sinh ngày 04/12/2009
2. Nguyễn Hải P; sinh ngày 03/3/2012

Chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ năm 2017 chị T và anh L đã sống ly thân, chị T vẫn nuôi dạy các con chu đáo, con chung của anh chị vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị T làm kinh doanh tự do, có thu nhập đảm bảo để nuôi các con. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Ghi nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- Về tài sản, nhà đất ở chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:-Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

-Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Hồng T** được ly hôn anh **Nguyễn Anh L**.

2.Về con chung: Xác nhận chị T và anh L có 02 con chung là:

Nguyễn Đức Minh; sinh ngày 04/12/2009

Nguyễn Hải Phong; sinh ngày 03/3/2012.

Giao con chung là Nguyễn Đức Minh; sinh ngày 04/12/2009 và Nguyễn Hải Phong; sinh ngày 03/3/2012 cho chị Phạm Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2020 đến năm các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3.Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

4.Về công nợ chung: Chị T khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

5.Về án phí: Chị Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003387 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Chị Phạm Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Anh Nguyễn Anh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường Đ, HK,HN
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thanh Bình**